

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23/11/2009;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ về Bảo vệ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an quy định cụ thể thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã và Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Dân quân tự vệ;



Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 14/3/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách và một số đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã
(sao gửi UBND các xã, phường, thị trấn);
- Báo Đắk Nông;
- Cổng Thông tin điện tử, Công báo tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KHTH-Ph.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Diễn

QUY ĐỊNH

**Về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ,
chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở
cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11 /2014/QĐ-UBND
ngày 17 /6/2014 của UBND tỉnh Đắk Nông)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố (sau đây gọi chung là thôn) và các đối tượng khác công tác ở xã, ở thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn và một số đối tượng khác theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND ngày 19/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và ở thôn, buôn, bon, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi chung là Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND).

Chương II

**CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG VÀ MỨC PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHỮNG
NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ MỘT SỐ ĐỐI
TƯỢNG KHÁC CÔNG TÁC Ở CẤP XÃ, Ở THÔN**

**Điều 3. Chức danh, số lượng và mức phụ cấp đối với những người hoạt
động không chuyên trách ở cấp xã**

Chức danh, số lượng và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

Điều 4. Khoản kinh phí hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Đối tượng khoản kinh phí và mức khoản hàng tháng của từng xã, phường, thị trấn thực hiện theo quy định tại điểm 2.1 và 2.2, khoản 2, Điều 1 của Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

2. Mức chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã lập danh sách đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định trên cơ sở cân đối kinh phí được khoán quy định tại điểm 2.2, khoản 2, Điều 1 của Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND theo nguyên tắc như sau:

a) Trường hợp xã, phường, thị trấn, được bố trí đủ số người theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND thì mức phụ cấp cụ thể của từng chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thực hiện theo quy định tại điểm 1.2, khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

b) Trường hợp xã, phường, thị trấn có bố trí một số chức danh kiêm nhiệm mà giảm bớt số người theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Điều 1 của Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND thì UBND cấp xã xây dựng phương án bố trí kiêm nhiệm và mức chi trả phụ cấp cho các đối tượng kiêm nhiệm đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định.

Điều 5. Khoản kinh phí hỗ trợ hoạt động ở thôn

1. Đối tượng và kinh phí khoán hỗ trợ hoạt động ở thôn thực hiện theo quy định tại Điểm 3.1 và 3.2, Khoản 3, Điều 1 của Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND

2. Bố trí cán bộ và mức chi trả phụ cấp cho từng đối tượng:

2.1. Bố trí cán bộ: Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc sắp xếp, bố trí cán bộ ở thôn, bố trí kiêm nhiệm theo nguyên tắc mỗi chức danh công việc đều có cán bộ đảm nhiệm, khuyến khích bố trí cán bộ kiêm nhiệm.

2.2. Mức phụ cấp chi trả cho từng đối tượng như sau:

a) Trường hợp không bố trí cán bộ kiêm nhiệm:

- Đối với thôn thuộc các xã biên giới, xã vùng III, xã đặc biệt khó khăn:

+ Bí thư Chi bộ thôn, Trưởng thôn: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,8 so với mức lương cơ sở.

+ Phó Bí thư Chi bộ, Phó trưởng thôn: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,55 so với mức lương cơ sở.

+ Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,35 so với mức lương cơ sở.

+ Phó Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,17 so với mức lương cơ sở.

+ Bí thư Chi Đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng Hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,21 so với mức lương cơ sở.

+ Phó Bí thư Chi Đoàn Thanh niên, Chi hội phó Hội Phụ nữ, Chi hội phó Hội Nông dân, Chi hội phó Hội Cựu chiến binh: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,15 so với mức lương cơ sở.

- Đối với thôn thuộc các xã còn lại:

+ Bí thư Chi bộ thôn, Trưởng thôn: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,75 so với mức lương cơ sở.

+ Phó Bí thư Chi bộ, Phó trưởng thôn: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,5 so với mức lương cơ sở.

+ Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,35 so với mức lương cơ sở.

+ Phó Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,17 so với mức lương cơ sở.

+ Bí thư Chi Đoàn Thanh niên, Chi hội trưởng Hội Phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,21 so với mức lương cơ sở.

+ Phó Bí thư Chi Đoàn Thanh niên, Chi hội phó Hội Phụ nữ, Chi hội phó Hội Nông dân, Chi hội phó Hội Cựu chiến binh: Mức phụ cấp bằng hệ số 0,15 so với mức lương cơ sở.

b) Trường hợp cơ bố trí cán bộ kiêm nhiệm: UBND cấp xã quyết định bố trí kiêm nhiệm và mức chi trả phụ cấp cho các đối tượng kiêm nhiệm, trên cơ sở mức kinh phí khoán hỗ trợ cho các hoạt động của thôn.

Điều 6. Số lượng, mức phụ cấp cho nhân viên y tế ở thôn

Số lượng, mức phụ cấp cho nhân viên y tế ở thôn và tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 1, Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

Điều 7. Số lượng, mức phụ cấp cho các chức danh bảo vệ dân phố

1. Số lượng: Mỗi tổ dân phố được thành lập một Tổ Bảo vệ dân phố có từ 3 đến 7 tổ viên, gồm: Tổ trưởng, Tổ phó và các tổ viên; mỗi phường, thị trấn được thành lập một Ban Bảo vệ dân phố, gồm: Trưởng ban, các Phó trưởng ban và các Ủy viên Ban Bảo vệ dân phố là các Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố ở các tổ dân phố theo quy định tại Điều 7, Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ.

2. Mức phụ cấp cho các chức danh bảo vệ dân phố thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 1, Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

Điều 8. Số lượng, mức phụ cấp cho chức danh công an viên thường trực ở xã và công an viên ở thôn

Số lượng, mức phụ cấp công an viên thường trực ở xã và công an viên ở thôn thực hiện theo quy định tại Khoản 6, Điều 1, Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

Chương III

MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHÁC ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC CÔNG TÁC Ở CẤP XÃ, Ở THÔN

Điều 9. Chế độ kiêm nhiệm

Chế độ kiêm nhiệm đối với những người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở cấp xã thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 1, Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

Điều 10. Chế độ phụ cấp đặc thù

Chế độ phụ cấp đặc thù của các chức danh: Phó trưởng Công an, Phó Chỉ huy trưởng quân sự, Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ thực hiện theo quy định tại Khoản 8, Điều 1, Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

Điều 11. Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện

Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với các chức danh Phó Trưởng Công an, Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 1, Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

Điều 12. Hỗ trợ kinh phí khi nghỉ việc

1. Phó Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã có thời gian công tác liên tục từ đủ 05 năm trở lên nếu nghỉ việc có lý do chính đáng mà chưa đủ điều kiện nghỉ hưu thì được hưởng trợ cấp một lần theo quy định tại Điều 38 của Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ.

2. Phó trưởng Công an xã và Công an viên có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên, nếu nghỉ việc có lý do chính đáng mà chưa đủ điều kiện nghỉ hưu thì được hưởng trợ cấp một lần theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ.

3. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (trừ các chức danh: Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ, Phó Trưởng Công an và Phó Chỉ huy trưởng Quân sự) có thời gian công tác liên tục hoặc cộng dồn, có đủ hồ sơ quy định, khi nghỉ việc theo chế độ được trợ cấp nghỉ việc 01 lần, cứ mỗi năm công tác được hưởng 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hỗ trợ kinh phí nghỉ việc cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Kinh phí hỗ trợ nghỉ việc cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do ngân sách của tỉnh cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã.

5. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bị kỷ luật buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm thì không được hưởng chế độ hỗ trợ kinh phí khi nghỉ việc.

Điều 13. Hoạt động phí cho 5 đoàn thể ở cấp xã và quà thăm hỏi già làng

Hoạt động phí của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và quà thăm hỏi già làng thực hiện theo quy định tại Khoản 11, Điều 1, Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

Điều 14. Chế độ bảo hiểm y tế

Chế độ bảo hiểm y tế cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn thực hiện theo quy định tại Khoản 12, Điều 1, Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND.

Chương IV

QUẢN LÝ, ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 15. Tiếp nhận, bố trí công tác và xếp mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và ở thôn

1. Nguyên tắc bố trí

a) Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương; căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí công tác, tiêu chuẩn của chức danh cần bố trí để bố trí cán bộ làm việc; đảm bảo mỗi chức danh đều có cán bộ đảm nhiệm; không bố trí số người hoạt động không chuyên trách vượt quá số lượng so với quy định theo phân loại xã, phường, thị trấn.

b) Đối với chức danh Phó trưởng Công an xã: Mỗi xã được bố trí 01 Phó trưởng Công an xã; các xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự và xã loại 1, xã loại 2 được bố trí không quá 02 Phó trưởng Công an xã theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ.

c) Đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng quân sự xã: Mỗi xã được bố trí 01 Phó Chỉ huy trưởng quân sự xã; các xã trọng điểm về quốc phòng - an ninh, xã loại 1, xã loại 2 được bố trí không quá 02 Phó Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã theo quy định tại Điều 15, Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ.

d) Đối với chức danh Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã: Mỗi xã được bố trí không quá 02 chức danh Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

2. Thẩm quyền quyết định bố trí công tác

a) Đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định bổ nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Dân quân tự vệ năm 2009.

b) Đối với chức danh Phó trưởng Công an xã, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động theo quy định tại khoản 3, Điều 10, Pháp lệnh Công an xã năm 2008.

c) Đối với các chức danh Trưởng ban Tổ chức Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng, Trưởng ban Tuyên giáo, Cán bộ Văn phòng Đảng ủy do Đảng ủy cấp xã quyết định tiếp nhận, bố trí công tác.

d) Đối với các chức danh Thủ quỹ - văn thư - lưu trữ, Cán bộ Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông, lâm nghiệp, Cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Cán bộ phụ trách Đài truyền thanh, Cán bộ kỹ thuật Đài truyền thanh, Cán bộ quản lý Nhà văn hoá, Công an viên do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định tiếp nhận, bố trí công tác.

đ) Đối với các chức danh bầu cử, việc phê chuẩn, miễn nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

3. Xếp mức phụ cấp:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi thống nhất với cấp ủy Đảng, Thường trực Hội đồng nhân dân và các tổ chức đoàn thể có liên quan ở xã tiến hành lập danh sách và mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, trên địa bàn gửi Phòng Nội vụ cấp huyện thẩm định.

b) Sau khi có văn bản thẩm định của Phòng Nội vụ cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định xếp mức phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn.

Điều 16. Quản lý, đào tạo, bồi dưỡng

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định cụ thể việc quản lý những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn được cử đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng được hưởng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

Điều 17. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng

Việc khen thưởng những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng và Điều lệ của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

2. Kỷ luật

a) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn vi phạm các quy định của pháp luật nhưng chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì tùy theo tích chất, mức độ vi phạm để xem xét kỷ luật theo một trong những hình thức sau đây:

- Khiển trách;
- Cảnh cáo;
- Cách chức;
- Miễn nhiệm.

b) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo thì không được bổ nhiệm vào hình thức cao hơn trong thời hạn ít nhất là một năm kể từ khi có quyết định kỷ luật.

c) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn bị kỷ luật bằng hình thức cách chức hoặc miễn nhiệm nếu không bố trí vào công việc khác được thì cho nghỉ việc. Khi bị cho nghỉ việc thì không được hưởng các quyền lợi và phải bồi thường các thiệt hại theo quy định của pháp luật.

d) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn làm mất mát, hư hỏng trang thiết bị hoặc có hành vi khác gây thiệt hại tài sản nhà nước thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

đ) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn có hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành nhiệm vụ, công vụ gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân

khác thì phải hoàn trả cho cơ quan, tổ chức khoản tiền mà cơ quan, tổ chức đã bồi thường cho tổ chức, cá nhân bị thiệt hại theo quy định của pháp luật.

e) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn vi phạm pháp luật mà có dấu hiệu của tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

g) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn phạm tội bị Tòa án phạt tù mà không được hưởng án treo thì đương nhiên bị buộc thôi việc.

Điều 18. Tạm đình chỉ công tác

Trong thời gian đang bị xem xét kỷ luật, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn có thể bị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý ra quyết định tạm đình chỉ công tác nếu xét thấy người hoạt động không chuyên trách đó tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xác minh hoặc tiếp tục có hành vi vi phạm. Thời hạn tạm đình chỉ không quá 15 ngày, trường hợp đặc biệt có thể kéo dài nhưng không quá 03 tháng; hết thời hạn tạm đình chỉ công tác, nếu không bị xử lý kỷ luật thì người hoạt động không chuyên trách đó được tiếp tục làm việc. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn trong thời gian bị đình chỉ công tác được hưởng 50% (năm mươi phần trăm) mức phụ cấp của chức danh đang đảm nhiệm.

Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn không có lỗi thì sau khi tạm đình chỉ công tác, được bố trí trở lại vị trí công tác cũ và được truy lĩnh 50% phụ cấp trong thời gian tạm đình chỉ.

Điều 19. Thẩm quyền xử lý kỷ luật, việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại

1. Thẩm quyền xử lý kỷ luật

a) Cấp có thẩm quyền quyết định tiếp nhận, bổ nhiệm, phê chuẩn đối với chức danh những người hoạt động không chuyên trách nào thì có quyền quyết định xử lý kỷ luật đối tượng đó theo quy trình: Hội đồng kỷ luật cấp xã xem xét và đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định.

b) Việc xử lý kỷ luật đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn thuộc các chức danh bầu cử thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội.

c) Hội đồng kỷ luật cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập, thành phần gồm: Đại diện lãnh đạo Đảng ủy, đại diện Thường trực HĐND, thành viên UBND và đại diện lãnh đạo đoàn thể hoặc thôn có liên quan đến người hoạt động không chuyên trách bị xử lý kỷ luật.

2. Những người hoạt động không chuyên trách khi bị xử lý kỷ luật có quyền khiếu nại về quyết định kỷ luật đối với mình đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

3. Những người hoạt động không chuyên trách bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền kết luận là oan,

sai thì được phục hồi danh dự, quyền lợi và được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện; đồng thời, hàng năm phải báo cáo UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện Quy định này.

2. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có gì vướng mắc thì báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét giải quyết. / *luc*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Diễn